

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 01/11/2021

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Huy.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thanh Nhân;

Ông Võ Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Mai Thị Đào Quyên, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 10 và 01 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2021/TLPT-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2021 về việc ly hôn.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 62/2021/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 258/2021/QĐ-PT ngày 27 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị H1, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Đỗ Thị H1.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

*** Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:**

Ông và bà Đỗ Thị H1 tiến đến hôn nhân thông qua người mai mối, không có thời gian tự tìm hiểu nhau. Hai bên tổ chức đám cưới vào năm 1999 nhưng

đến ngày 14/5/2001 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Sau khi đám cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà H1 không lo làm ăn, xem thường, không tôn trọng ông, tự quyết đoán mọi việc trong gia đình. Do không sống với bà H1 được nữa nên ông đã nộp đơn yêu cầu ly hôn với bà H1 nhưng không được Tòa án chấp nhận theo Bản án số 10/2020/HNGĐ-PT ngày 18/02/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang. Sau khi Tòa không cho ly hôn, giữa ông và bà H1 chẳng những không hàn gắn được mà vợ chồng còn mâu thuẫn trầm trọng hơn. Bà H1 tự do quan hệ với bạn trai lại còn thách đố ông và cho rằng bà được quyền làm như vậy. Ngoài ra, bà H1 còn đánh đập ông, tự bịa đặt nhiều chuyện không có thật để vu khống, làm có để gia đình bà H1 có lý do hành hung ông. Chính vì những lý do đó, ông không thể sống cùng bà H1 được nữa, ông đã đi ở nhờ nhà người thân từ tháng 02/2020 đến nay. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu ly hôn với bà H1.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Chí H2, sinh năm 2001, hiện đã thành niên và có công việc nuôi sống bản thân nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn bà Đỗ Thị H1 trình bày:*

Bà thống nhất về thời điểm đám cưới, kết hôn, con chung như ông H trình bày; đồng thời bà cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Đối với yêu cầu ly hôn của ông H, bà không đồng ý vì bà không có lỗi gì để ly hôn. Việc ông H yêu cầu ly hôn theo bà là do ông H bị bệnh tâm thần nên mới có những lời lẽ, hành động như vậy, bà đã nhiều lần yêu cầu ông H đi khám bệnh nhưng ông H không đồng ý. Nay bà vẫn còn thương ông H nên không đồng ý ly hôn. Những điều mà ông H nói trên là hoàn toàn không có. Ông H đã bỏ nhà đi từ khi khởi kiện bà lần trước vào năm 2019 nhưng khi đó có lúc đi rồi về, còn cách nay khoảng 08 tháng thì ông H bỏ đi luôn, chỉ khi nào say xỉn mới về đập phá đồ đạc. Trong thời gian này, bà và con có đi tìm và gặp ông H ở nhà chị hai của ông H nhưng ông H lánh mặt không chịu về, có khi về thì đứng ngoài cửa chửi bới rồi bỏ đi.

* Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 62/2021/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của

Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H. Cho ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bà Đỗ Thị H1.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 04/5/2021, bị đơn bà Đỗ Thị H1 có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Nguyễn Văn H.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 62/2021/HNGĐ-ST ngày 23/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Đỗ Thị H1 và thực hiện thủ tục kháng cáo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung kháng cáo:

Ông Nguyễn Văn H và bà Đỗ Thị H1 tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân năm 1999, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 14/5/2001. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Năm 2019, ông Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu ly hôn nhưng không được Tòa án chấp nhận. Sau khi bị Tòa án bác yêu cầu, cả hai bên không tìm biện pháp để khắc phục những bất đồng nhằm hàn gắn quan hệ giữa vợ và chồng mà vẫn tiếp tục mâu thuẫn, thường xuyên có thái độ thiếu tôn trọng nhau, dùng lời lẽ xấu xúc phạm danh dự, nhân phẩm của nhau, và hai bên đã tách ra sống riêng. Điều này cho thấy hai bên đã vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm

vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn H, cho ông Nguyễn Văn H ly hôn với bà Đỗ Thị H1 là đúng với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Bà Đỗ Thị H1 kháng cáo yêu cầu tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn H, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh phản bác nội dung bản án sơ thẩm, đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm bà cũng thừa nhận cuộc sống chung hiện tại của vợ, chồng không còn hạnh phúc, bản thân không có giải pháp khắc phục mâu thuẫn để đoàn tụ gia đình. Do vậy, yêu cầu kháng cáo của bà Đỗ Thị H1 là không có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

[3]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục về án phí, lệ phí tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016), bà Đỗ Thị H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[5]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đỗ Thị H1.

2. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 62/2021/HNGĐ-ST ngày 23/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang về quan hệ hôn nhân.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H. Cho ông Nguyễn Văn H ly hôn với bà Đỗ Thị H1.

3. Án phí: Bà Đỗ Thị H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Đỗ Thị H1 đã nộp theo biên lai thu số 0000182 ngày 06/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nộp án phí.

4. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lê Huy